

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 (Báo cáo trình tại kỳ họp thứ Năm - Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII)

Phần I

Tình hình thực hiện kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII - kỳ họp thứ Ba về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII - kỳ họp thứ tư về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017; trong năm 2017, UBND thị xã đã tập trung lãnh đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các mặt công tác trọng tâm sau:

A. Ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017

I. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế

1. Tăng trưởng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn

Tổng giá trị sản xuất (tính theo giá SS 2010) là 5.558,76 tỷ đồng, đạt 110,69% kế hoạch, tăng 13,14% so với năm 2016. Trong đó: Công nghiệp - Xây dựng 3.004,12 tỷ đồng, đạt 102,41% kế hoạch, tăng 9,93% so với năm 2016; Thương mại - Dịch vụ 1.937,32 tỷ đồng, đạt 113,52% kế hoạch, tăng 23,46% so với năm 2016; Nông - lâm - thủy sản 617,32 tỷ đồng, đạt 161,65% kế hoạch, tăng 1,01% so với năm 2016.

2. Sản xuất nông - lâm - thủy sản

- Theo giá hiện hành đạt 943,9 tỷ đồng, đạt 149,56% KH.
- Theo giá so sánh (GSS) 2010 đạt 617,32 tỷ đồng, đạt 161,65% KH, tăng 1,01% so với năm 2016. Trong đó:

- + Nông nghiệp đạt 605,95 tỷ đồng, đạt 162,51% KH, tăng 0,8% so với năm 2016.
- + Lâm nghiệp là 7,48 tỷ đồng, đạt 101,59% KH, tăng 28,47% so với năm 2016.
- + Thủy sản là 3,89 tỷ đồng, đạt 237,20% KH, giảm 7,38% so với năm 2016.

2.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng trên toàn địa bàn thị xã là 9.968 ha, đạt 104,76% KH, tăng 11% so với năm 2016. Tổng sản lượng cây có hạt đạt 9.623,78 tấn, đạt 116,55% KH, tăng 33,94% so với năm 2016; trong đó thóc chiếm 8.617,78 tấn đạt 117,7% kế hoạch, tăng 39,78% so với năm 2016.

Tình hình thời tiết trong các vụ sản xuất năm 2017 tương đối thuận lợi, cùng với việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, đưa các giống lúa có năng suất cao, chất lượng vào gieo trồng, nên năng suất và sản lượng cây trồng trong vụ mùa tăng cao so với kế hoạch.

Tình hình sâu bệnh gây hại trên cây trồng xảy ra ở mức độ nhẹ, chủ yếu gây hại trên các loại cây lúa, rau xanh, cây mía. Các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân các xã, phường đã phát hiện kịp thời và hướng dẫn nhân dân các biện pháp phòng, trừ nenh thiêt hại do sâu bệnh gây ra không đáng kể.

Xây dựng chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp của thị xã, phát triển nông nghiệp gắn với ứng dụng công nghệ trong sản xuất để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

Tiếp tục hỗ trợ, nhân rộng và phát triển trồng rau VietGap trên địa bàn thị xã, từng bước hỗ trợ phát triển cây hoa và một số cây trồng có giá trị cao trên địa bàn; tập trung chỉ đạo xây dựng cánh đồng lớn đổi với cây mía: diện tích mía sản xuất theo phương thức cánh đồng lớn là 130,36 ha với 12 cánh đồng lớn. Trong đó cánh đồng lớn nhất là 60 ha tại phường Ngô Mây, cánh đồng nhỏ nhất là 05 ha.

b) Chăn nuôi, thú y

Công tác phòng, chống dịch bệnh, giám sát chăn nuôi, hướng dẫn và tư vấn chăm sóc vật nuôi tiếp tục được giám sát chặt chẽ. Trong năm, các bệnh trên gia súc, gia cầm không phát sinh thành dịch trên diện rộng.

Tình hình chăn nuôi có nhiều biến động do ảnh hưởng về giá thịt heo thấp nên số lượng đèn heo giảm nhiều so với kế hoạch. Cụ thể đàn vật nuôi như sau:

- + Đàn trâu là 450 con, đạt 90%KH, giảm 7,22% so với năm 2016.
- + Đàn bò là 15.200 con, đạt 110,14% KH, tăng 10,51% so với năm 2016.
- + Đàn heo là 15.975 con, đạt 74,65% KH, giảm 20,14 % so với năm 2016.

2.2. Lâm nghiệp

Các ngành chức năng thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng nhân dân tham gia quản lý bảo vệ rừng và PCCCR. Đôn đốc các địa phương, các đơn vị chủ rừng, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCR trong mùa khô. Trong năm không để xảy ra cháy rừng.

Các cơ quan chức năng thường xuyên đôn đốc các xã, phường, đơn vị chủ rừng kiện toàn Ban chỉ đạo bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Đồng thời, tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đổi với diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn thị xã.

2.3. Thủy lợi, thủy sản

Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi. Đôn đốc các xã, phường củng cố, nạo vét hệ thống kênh mương nội đồng đảm bảo tưới nước đến tận mặt ruộng, kiểm tra, rà soát các công trình thủy lợi để có kế hoạch tu sửa phục vụ sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ kinh phí để thực hiện các công trình kênh mương như đập bàu Dòn (xã Thành An), kênh mương hồ Suối Le (xã Tú An), và sửa chữa đập đất, kiên cố tràn xã lũ Bàu Phụng (xã Cửu An), để phục vụ sản xuất.

Sản lượng thủy sản trên địa bàn 140,32 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 132,2 tấn.

2.4. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Công tác tuyên truyền, tập huấn: Tiếp tục thực hiện tuyên truyền với nhiều hình thức, phong trào toàn dân xây dựng nông thôn mới có sự chuyển biến mạnh mẽ.

Đến cuối năm 2017 có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Xuân An, Thành An) nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới 03/05; các xã còn lại không có xã nào đạt dưới 11 tiêu chí.

3. Sản xuất công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp

- Theo giá hiện hành đạt 3.707,94 tỷ đồng, đạt 99,23% KH;
- Theo giá SS 2010 là 2.484,12 tỷ đồng, đạt 105,02% KH, tăng 12,72% so với năm 2016.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh duy trì hoạt động thường xuyên, ổn định. Công nghiệp chế biến được phát triển gắn với vùng nguyên liệu; công suất hoạt động của các nhà máy lớn trên địa bàn được phát huy tối đa¹. Sản phẩm trên địa bàn chủ yếu là mặt hàng ván sợi cứng, đường tinh luyện, tinh bột sắn, đá xây dựng. Sản phẩm của các doanh nghiệp thương mại chủ yếu phục vụ cho tiêu dùng trên địa bàn và các huyện lân cận. Hoạt động của các hộ cá thể chủ yếu phục vụ nhu cầu thiết yếu trên địa bàn.

Trong năm đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục đầu tư thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp An Bình, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty cổ phần nước Sài Gòn - An Khê triển khai dự án xây dựng nhà máy nước trên địa bàn thị xã.

4. Thương mại, dịch vụ

- Theo giá hiện hành là 2.625,07 tỷ đồng, đạt 110,09% KH, tăng 23,01% so với năm 2016.
- Theo giá SS 2010 là 1.937,32 tỷ đồng, đạt 113,52% KH, tăng 23,46% so với năm 2016.

Lượng hàng hóa dồi dào, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu mua sắm của nhân dân, giá cả các mặt hàng thiết yếu có nhiều biến động như: xăng, dầu, gas do ảnh hưởng giá cả thế giới. Các ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý thị trường chống đầu cơ, nâng giá, buôn lậu, gian lận thương mại.

Dịch vụ vận tải cơ bản đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và đi lại của nhân dân, có nhiều tuyến áp dụng dịch vụ xe chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của hành khách. Vận chuyển hàng hóa đạt 995.000 tấn, tăng 13,33% so với năm 2016, vận chuyển 667.000 lượt hành khách, tăng 24,67% so với năm 2016.

Phối hợp với các sở ngành của tỉnh và các huyện lân cận xây dựng kế hoạch, chương trình và ưu tiên nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn; từng bước phục dựng, khôi phục các hoạt động văn hóa gắn với di tích lịch sử Tây Sơn Thượng đạo, tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch của địa phương rộng rãi trên cả nước² và đạt được những kết quả ban đầu khả

¹ (Nhà máy đường An Khê công suất lên 18.000 tấn mía/ngày ; Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai - Chi nhánh Công ty cổ phần nông sản thực phẩm Quảng Ngãi công suất 3.000 tấn tinh bột/tháng; Công ty Vinafor MDF Gia Lai - Nhà máy ván sợi ép tăng công suất lên 54.000m³/năm). Xí nghiệp cơ giới nông nghiệp An Khê phục vụ cơ giới hóa từ khâu làm đất, chăm sóc và thu hoạch mía với công suất 4.500ha/năm.

² Tổ chức Hội thảo khoa học về di tích lịch sử - văn hóa Tây Sơn thượng đạo, xây dựng 12 chuyên mục quảng bá về hình ảnh, con người An Khê phát sóng hàng tuần trên Đài Truyền thanh - Truyền hình thị xã, mời Đoàn

quan³. Trong năm 2017, thị xã đã tổ chức các lễ hội truyền thống⁴ nhằm khơi lại truyền thống lịch sử đấu tranh hào hùng của dân tộc, phát huy, duy trì những bản sắc đặc trưng của nhân dân địa phương.

5. Kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân

Dự kiến đến cuối năm 2017 có 215 hộ đăng ký kinh doanh mới nâng tổng số hộ kinh doanh trên toàn thị xã 3.825 hộ kinh doanh; 11 hợp tác xã và 205 doanh nghiệp (trong năm thành lập mới ước 40 doanh nghiệp, đạt 133,3% Kế hoạch tỉnh giao). Phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chưa có sự liên kết với nhau hoặc với thành phần kinh tế khác; sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trên địa bàn và các huyện lân cận; Ủy ban nhân dân thị xã cũng đã xúc tiến thành lập Hội Doanh nghiệp thị xã để liên kết, hỗ trợ lẫn nhau hoạt động có hiệu quả giữa các thành phần kinh tế cũng như sự kết nối gắn bó giữa doanh nghiệp với các cấp chính quyền địa phương, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức Hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn thành lập mới Hợp tác xã (HTX) trên địa bàn thị xã, số lượng người tham dự lên đến 270 người, trong đó có nhiều sáng lập viên dự định thành lập HTX. Hiện nay, toàn thị xã có 11 hợp tác xã (trong năm thành lập mới 05 hợp tác xã, hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp), với 2.540 thành viên. Tuy các hợp tác xã còn gặp nhiều khó khăn, nhưng vẫn duy trì hoạt động.

Phối hợp Trung tâm trao đổi giáo dục với Việt Nam, tổ chức tập huấn phát triển cộng đồng dựa vào nội lực và phát triển kinh tế hợp tác, HTX. Kết quả đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về kinh tế hợp tác, HTX với 300 người tham dự, là cán bộ chủ chốt thị xã, các xã, phường và đại diện các tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ sản xuất giỏi trên địa bàn; đồng thời tổ chức lớp tập huấn 05 ngày cho cán bộ nông cống 06 xã, phường (Ngô Mây, An Bình, An Phước, Xuân An, Cửu An, Thành An) về phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực và do nhân dân làm chủ.

II. Ôn định kinh tế

1. Giá cả, chỉ số giá tiêu dùng

Sức mua của xã hội chỉ tăng cao trong dịp Tết nguyên đán, các ngày Lễ lớn trong năm, trong vụ sản xuất nông nghiệp, sau đó trở lại bình thường. Mạng lưới cung cấp, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ trên địa rộng khắp, đảm bảo cung cấp ứng cầu, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt hàng hóa. Các lực lượng chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý giá. Giá cả một số mặt hàng thiết yếu có nhiều biến động trong các tháng đầu năm (xăng, dầu, lúa gạo, thịt heo hơi giảm giá trong các tháng đầu năm).

Famtrip (doanh nghiệp lữ hành) đến khảo sát, tham quan các điểm di tích của thị xã và chia sẻ kinh nghiệm trong việc phát triển các hoạt động, dịch vụ du lịch phù hợp để phát triển du lịch và cơ hội đầu tư, tu bổ di tích lịch sử Tây Sơn thượng đạo: san lấp mặt bằng, sửa chữa nhà bão táng.

³ Năm 2017, bộ phận bảo tồn bảo tàng đã đón tiếp 95 đoàn, phục vụ thuyết minh 8.571 lượt khách trong và ngoài tỉnh tham quan Khu di tích, Lập hồ sơ đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập hồ sơ xếp hạng di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh đối với 02 di tích thuộc sơ kỳ đá cũ gồm Gò Đá (phường An Bình) và Rộc Tưng (xã Xuân An)

⁴ Lễ kỷ niệm 228 năm chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa (1789 - 2017), Hội hát cầu huê năm 2017, phối hợp Ban nghi lễ tổ chức Lễ cúng Khai Sơn, Quý Xuân khu vực An Khê Đình – An Khê Trường và cúng Quý Xuân của nhân dân địa phương, tổ chức Lễ kỷ niệm 225 năm ngày mất Hoàng đế Quang Trung (1792 – 2017). Có khoảng 1.000 lượt người dự Lễ kỷ niệm

2. Tín dụng

Hiện nay, trên địa bàn có 06 chi nhánh, văn phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại, 01 ngân hàng chính sách và 01 Quỹ tín dụng nhân dân, dịch vụ tài chính - ngân hàng tương đối phát triển đã đáp ứng cơ bản nhu cầu vốn phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn và các huyện lân cận.

3. Thu chi ngân sách nhà nước

- Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 88,351 tỷ đồng, bằng 109,41% dự toán, tăng 1,87% so với năm 2016.

- Chi cân đối ngân sách địa phương là 307,14 tỷ đồng, bằng 114% dự toán, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 33,14 tỷ đồng, đạt 109,95% dự toán; chi thường xuyên là 270,13 tỷ đồng, đạt 116,3% dự toán.

4. Đầu tư phát triển

- Dự ước tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 1.206 tỷ đồng, bằng 107,2% kế hoạch, tăng 14,86% so với năm 2016.

- Trong năm khối lượng đầu tư trong nhân dân và các thành phần kinh tế có nhiều phát triển, các dự án đầu tư đều hoàn thành trong năm; các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước được chú trọng đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các công trình theo đúng tiến độ, không để dồn việc giải ngân vào cuối năm. Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình.

- Tập trung công tác chỉnh trang đô thị, nâng cấp sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng bị hư hỏng, cắt tỉa, trồng cây xanh trang trí trên các tuyến đường nội thị; quét vôi cây xanh, bồn hoa trang trí; đảm bảo công tác thu gom, xử lý rác thải và các vấn đề vệ sinh môi trường đô thị phục vụ các ngày Lễ lớn.

III. Giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ

1. Giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Năm 2017, UBND thị xã ban hành: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thị xã An Khê giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017; kế hoạch thực hiện Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã An Khê trong thời kỳ mới; phối hợp tổ chức 03 lớp bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021 tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã với tổng số 260 đại biểu đã tham gia.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng luôn công khai đối tượng, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã. Tổng số CBCCVC toàn thị xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn là 147 lượt người, trong đó: thị xã 24 lượt người, cấp xã: 123 lượt người. Bên cạnh đó, thị xã khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian cho CBCCVC tự túc kinh phí tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, trong năm có 01 công chức lãnh đạo phòng, 01 cán bộ chủ chốt cấp xã tốt nghiệp chương trình đào tạo sau đại học.

Công tác dạy và học ở các trường được duy trì tốt, đúng nội dung, phân phối chương trình và khung chương trình theo quy định⁵; công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại, xét tốt nghiệp các cấp, tổng kết năm học 2016-2017 đảm bảo quy chế, kịp thời theo yêu cầu; duy trì phổ cập Giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở.

Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn thị xã là 18 trường (trong đó có 02 trường THPT). Ngành giáo dục cũng đã tổ chức bồi dưỡng cho các em học sinh tham gia các cuộc thi học sinh giỏi các cấp và đạt kết quả cao. Trong năm, có 881 em học sinh giỏi cấp thị xã, 70 học sinh giỏi cấp tỉnh và 16 học sinh giỏi Quốc gia.

Triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2017 với 120 chỉ tiêu học viên dự học các nghề như: Trồng rau an toàn, lắp đặt và sửa chữa điện sinh hoạt, sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi, nuôi và phòng bệnh cho gia cầm.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tiếp tục duy trì, liên kết với các trường Đại học, cao đẳng trong cả nước mở các lớp Trung cấp tại chức và lớp Đại học từ xa phục vụ nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn. Phối hợp với Trung tâm đào tạo lái xe tỉnh thu nhận hồ sơ thi lấy giấy phép lái xe.

2. Khoa học công nghệ

Tổ chức họp Hội đồng Khoa học và Công nghệ thị xã thảo luận về một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện trọng tâm triển khai năm 2017 và định hướng kế hoạch năm 2018; hội nghị tư vấn, xác định nhiệm vụ KH&CN cấp huyện năm 2018; thẩm định dự án khuyến nông năm 2017, dự án “Duy trì và mở rộng sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP năm 2017”.

Tổng kết 02 dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2016 (ứng dụng quy trình chăn nuôi trên nền đệm lót len men sinh thái vi sinh hoạt tính trong chăn nuôi heo trên địa bàn thị xã An Khê; xây dựng mô hình sản xuất giống và trình diễn cà chua ghép lênh gốc cà tím trên địa bàn thị xã An Khê).

Tiếp tục triển khai thực hiện dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2017 (xây dựng mô hình sản xuất giống hoa trang trí và giống cây đường phố theo hướng công nghệ cao trên địa bàn thị xã An Khê).

IV. Bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

1. Lao động việc làm

- Tổng số lao động trên toàn địa bàn dự ước là 41.633 lao động, đạt 104,02% kế hoạch, tăng 6,1% so với năm 2016. Số lao động được giải quyết việc làm trong năm ước đạt 1.828 lao động, đạt 87,05% kế hoạch (theo cách tính mới, chỉ tính những trường hợp vón giải quyết việc làm phát sinh trong năm 2017); số lao động được đào tạo đạt 29,68%.

- Tỷ lệ hộ nghèo ước đạt 2,98% (giảm thêm 0,46% so với kế hoạch); mức giảm tỷ lệ hộ nghèo ước đạt 0,83% (tăng 0,44% so với KH).

⁵ Tổng số học sinh năm học 2017-2018 ước: 17.532 học sinh; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo cuối năm 2017 ước đạt 87% kế hoạch; tỷ lệ trẻ em đi học tiểu học đúng độ tuổi đạt 94,5%, đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ trẻ em đi học trung học cơ sở đúng độ tuổi đạt 92,5%, đạt 100% kế hoạch đầu năm

2. Bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; thực hiện chính sách ưu đãi người có công; chăm sóc người cao tuổi; thực hiện bình đẳng giới; bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phát triển thanh niên; phòng chống tệ nạn xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng quản lý (người có công, Bảo trợ xã hội, người nghèo), tổ chức thăm hỏi đối tượng chính sách, người có công, tặng quà và tổ chức cho người nghèo ăn Tết Đinh Dậu kịp thời, an toàn, tiết kiệm. Trong năm xây mới 30 nhà, sửa chữa 23 nhà cho người có công cách mạng có khó khăn về nhà ở. Tổ chức vận động quỹ Đèn Ơn đáp nghĩa thị xã năm 2017 đã thu được 286 triệu đồng.

Lập danh sách đăng ký sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tổ chức khám phân loại và phẫu thuật cho 39 trẻ em bị khuyết tật, tim bẩm sinh; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bệnh viện Hoàn Mỹ Đà Nẵng tổ chức khám sàng lọc tim cho 455 trẻ em, trong đó đã chỉ định lập hồ sơ và đưa đi phẫu thuật miễn phí cho 5 trẻ em bị tim bẩm sinh hoàn cảnh gia đình khó khăn và thuộc diện hộ nghèo.

3. Chăm sóc sức khỏe toàn dân

Toàn thị xã hiện có 05/11 trạm y tế có bác sĩ, 11/11 trạm có cán bộ y học có truyền; có 32/32 thôn, làng có cán bộ y tế thôn làng hoạt động. Đến nay, đã có 10/11 trạm y tế xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo Bộ tiêu chí giai đoạn đến năm 2020). Ngành y tế chú trọng công tác y tế cơ sở, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, đảm bảo trực cấp cứu 24/24. Thường xuyên tuyên truyền, giám sát ngộ độc thực phẩm, phòng chống các loại dịch bệnh. Trong năm không để xảy ra dịch bệnh, không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Tổng lượt người khám chữa bệnh là 89.000 lượt (trong đó khám bằng BHYT là 62.352 lượt người). Công tác tiêm chủng mở rộng được thực hiện và giám sát chặt chẽ, đảm bảo tiêm chủng an toàn, số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ liều là 1.475 trẻ, đạt tỷ lệ 98% KH; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (theo cân nặng) là 10,06%.

4. Văn hóa, thể thao

Tập trung triển khai công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cũng như nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội của địa phương. Tổ chức nhiều chương trình văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, thu hút đông đảo nhân dân đến xem.

Các thiết chế văn hóa thể thao cơ sở được quan tâm đầu tư; 89/89 thôn làng, tổ dân phố có nhà văn hóa; ngoài ra trên địa bàn các xã, phường có tổng số 38 sân bóng đá, 106 sân bóng chuyền, 19 sân cầu lông phục vụ nhu cầu văn hóa thể thao cấp cơ sở.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa tại các xã, thôn, làng⁶ gắn với xây dựng nông thôn mới; Quản lý tốt các lễ hội, hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa mang bản sắc địa phương. Năm 2017 tổng số gia đình văn hóa : 13.578/16.353 hộ; số thôn, làng, tổ dân phố văn hóa: đạt 83/89 thôn, làng, tổ dân phố; số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt: 64/90 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

⁶ Công nhận 05 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa năm 2016 (công nhận lần đầu); báo lưu danh hiệu cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa cho 29 cơ quan, đơn vị, 05 thôn, tổ dân phố văn hóa năm 2016; danh hiệu thôn, làng, tổ dân phố văn hóa 3 năm 2014 – 2016 cho 23 thôn, làng, tổ dân phố, Công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” năm 2017 cho 08 trường học; đề nghị báo lưu danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” năm 2017 cho 15 trường học, Công nhận 7 cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa năm 2017 (công nhận lần đầu). Công nhận 04 thôn, tổ dân phố văn hóa năm 2017; danh hiệu thôn, làng, tổ dân phố văn hóa 3 năm 2015 – 2017 cho 21 thôn, làng, tổ dân phố

Đẩy mạnh "cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại⁷. Tăng cường thực hiện xã hội hóa, đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ước khoảng 31%; số gia đình tập luyện thể thao ước khoảng 18,5%; 11/11 xã, phường hoàn thành Đại hội thể dục thể thao cấp thị xã; Số xã có bưu điện văn hóa xã là 04 xã, đạt tỷ lệ 80%.

V. Tài nguyên môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Công tác quản lý môi trường

- Tăng cường tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và Bảo vệ môi trường đến các cấp ủy đảng và tầng lớp nhân dân trong dịp Lễ, Tết, Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... Nâng cao nhận thức cho người dân về biến đổi khí hậu và xây dựng các thói quen hướng tới một xã hội thân thiện với môi trường; lồng ghép các chiến lược giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các chiến lược và chính sách quốc gia phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

- Tích cực kiểm tra ngăn ngừa, hạn chế sự gia tăng ô nhiễm môi trường xử lý kịp thời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn; khuyến khích nông dân sản xuất tạo ra sản phẩm sạch hơn, hạn chế dùng thuốc trừ sâu, phân hóa học, khuyến khích sử dụng các chế phẩm sinh học, vật liệu không làm ảnh hưởng đến môi trường; khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên. Quy hoạch, xây dựng đô thị xanh- sạch- đẹp, gắn kết chặt chẽ giữa việc phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh với bảo vệ môi trường trên địa bàn thị xã..., phát động phong trào nhân dân trồng cây phân tán, cây xanh đường phố để cải thiện môi trường sống.

- Triển khai rà soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kịp thời chấn chỉnh không để tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động. Theo đó trên địa thị xã có 05 cơ sở thuộc đối tượng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đó là Bệnh viện đa khoa khu vực An Khê, Nhà máy đường An Khê, Nhà máy chế biến tinh bột sắn, Trại chăn nuôi bò của Công ty chăn nuôi Hoàng Anh Gia Lai và bãi rác thị xã An Khê.

⁷ Thành lập Đoàn vận động viên tham gia Giải vô địch Karatedo, Vovinam, Võ thuật cổ truyền tỉnh Gia Lai năm 2017. Ngày hội công chiêng tại huyện Kbang, tổ chức Giải võ thuật cổ truyền tỉnh Gia Lai mở rộng năm 2017, có 10 đoàn của 7 tỉnh tham gia với 52 VĐV; trao 04 HCV, 02 HCB, 08 HCĐ, 28 giải thưởng cho các CLB và cá nhân, tổ chức Giải Bóng chuyền truyền thống tranh Cup BIDV nhân kỷ niệm 86 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Cố 15 đoàn với 180 vận động viên tham gia; trao 05 giải thưởng tập thể, 03 giải cá nhân, 11/11 xã, phường tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2017 từ ngày 23/3/2017 đến ngày 27/3/2017. Có 2.640 người tham gia, bình quân mỗi cụm chạy có trên 240 người tham gia, cự ly chạy từ 1km đến 2km, tổng cự ly chạy khoảng 17km. Phối hợp Sân Hoang Dung tổ chức Giải bóng đá mini sân cỏ nhân tạo kỷ niệm Ngày sinh nhật Bác, Phối hợp xã Song An, Trường THPT Dân tộc Nội trú Đông Gia Lai thành lập Đoàn tham gia Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai gồm 12 VĐV. Đạt giải ba môn bắn nỏ, đẩy gậy, Tham gia Giải vô địch Karatedo tỉnh Gia Lai năm 2017. Đạt 02 HCV, 01 HCB, 03 HCĐ, xếp thứ 05/31 đơn vị tham gia, tham gia Giải vô địch Vovinam tỉnh Gia Lai năm 2017. Đạt 08 HCV, 02 HCB, 07 HCĐ, xếp thứ nhất toàn đoàn, tham gia Giải vô địch Võ thuật cổ truyền tỉnh Gia Lai năm 2017. Đạt 06 HCV, 03 HCB, 01 HCĐ, xếp thứ nhất toàn đoàn, hỗ trợ Công an thị xã tổ chức Giải bóng chuyền. Phối hợp Thị Đoàn tổ chức tập huấn phòng chống đuối nước, bơi lội cho trẻ em; thi tìm hiểu kiến thức về Khu di tích lịch sử - văn hóa Tây Sơn thượng đạo trong chương trình hoạt động hè 2017. Phối hợp UBMTTQ thị xã tổ chức Hội thao Đại đoàn kết năm 2017, tổ chức Giải Việt dã truyền thống thị xã năm 2017, kinh phí do Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên tài trợ. Tham gia Giải Việt dã toàn tỉnh, tổ chức Hội đồng thi thăng đai cho các võ sinh môn Võ Cổ truyền, Vovinam, Karatedo, Taekwondo theo định kỳ

2. Công tác quản lý tài nguyên

- Rà soát các khu vực có khoáng sản trên địa bàn thị xã bổ sung vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa ngăn chặn vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Tổng số hộ sử dụng nước sạch đến hết năm 2017 là 3.530 hộ; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

3. Công tác trồng rừng và bảo vệ rừng

- Thành lập Ban chỉ đạo thu hồi đất rừng bị lấn, chiếm nhằm xử lý đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm và rà soát diện tích đất lấn, chiếm để trồng rừng trên địa bàn trong giai đoạn 2017 - 2020. Đồng thời, xây dựng kế hoạch thu hồi đất rừng và tổ chức thực hiện chính sách giao, khoán, cho thuê đất để trồng rừng đối với diện tích đất rừng do Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý trên địa bàn thị xã, diện tích đất rừng bị lấn, chiếm, thu hồi trong 03 năm từ 2017-2019 thuộc chủ rừng nhóm 1 quản lý (UBND các xã, phường) khoảng 630,65ha. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách giao đất, giao rừng, giao khoán quản lý bảo vệ rừng, tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy, trồng rừng thay thế và quản lý kiểm tra chặt chẽ hoạt động khai thác, chế biến gỗ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng⁸.

- Hoàn thành Kế hoạch sử dụng đất năm 2017, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện; hoàn chỉnh số liệu, lập Báo cáo thống kê đất đai năm 2016 trên địa bàn thị xã trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Lập hồ sơ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho 121 hộ gia đình, cá nhân với diện tích: 19.014,6 m² .

VI. Quản lý quy hoạch

- Hoàn chỉnh đề cương nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch (QH) chung thị xã trình Sở xây dựng thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt.

- Rà soát những nội dung không còn phù hợp, cập nhật những thay đổi của QH chi tiết so với QH chung, bổ sung những nội dung mới phát sinh.

- Lập kế hoạch phát triển cây xanh, chiếu sáng đô thị và kế hoạch xây dựng phát triển thị xã theo hướng trở thành đô thị loại III.

VII. Cải cách hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2017 của UBND tỉnh, UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND thị xã về đảm bảo thực hiện có hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 15/12/2016 về thực hiện công tác CCHC năm 2017 với 07 nội

⁸ Điều chỉnh từ rừng sản xuất ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp: 484,94 ha. Điều chỉnh diện tích ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp chuyển vào quy hoạch đất lâm nghiệp đối với rừng sản xuất: 444,32 ha, rừng tập trung: Diện tích trồng rừng năm 2017 trên địa bàn thị xã có 4 xã Song An, Tú An, Cửu An, Xuân An là 68,15 ha. Trồng phân tán: Ban hành kế hoạch phân bổ chỉ tiêu cho UBND các xã, phường và vận động nhân dân trồng, tổ chức trồng đủ diện tích 50 ha (tương đương 50.000cây), trong đó trồng 6.000 cây thông và 44.000 cây keo lai.

dung. Theo đó, đã xác định rõ mục tiêu, kết quả phải đạt trong năm; đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện CCHC theo từng lĩnh vực; phân công cụ thể trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian hoàn thành kế hoạch.

Thực hiện phổ biến, quán triệt cho toàn thể CBCCVC về các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác CCHC; chú trọng việc niêm yết công khai các quy định về TTHC giúp công dân dễ hiểu, dễ thực hiện; nhằm tăng cường công khai, minh bạch trong giải quyết các TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân phản ánh, kiến nghị về giải quyết TTHC, thái độ, hành vi của CBCCVC trong thực thi công vụ, UBND thị xã đã ban hành thông báo số 144/TB-UBND ngày 03/11/2016 về việc thông báo số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ thư điện tử để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân.

Xây dựng Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 13/3/2017 về kiểm tra công tác CCHC năm 2017 trên địa bàn thị xã, thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC tiến hành kiểm tra 11/11 xã, phường nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác CCHC trên địa bàn thị xã. Bên cạnh đó, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường tăng cường tuyên truyền, phổ biến các nội dung của các văn bản QPPL cấp trên; công tác kiểm tra, tự kiểm tra, giám sát trong ban hành văn bản QPPL. Năm 2017 UBND thị xã đã ban hành văn bản số 243/UBND-NV ngày 30/3/2017 về việc tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC thị xã năm 2016, đồng thời thực hiện báo cáo khắc phục chỉ số cải cách hành chính năm 2016 tại văn bản số 945/UBND-NV ngày 17/10/2017 theo văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 của UBND thị xã về việc ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông tại UBND thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Theo đó, đa số các công sở đã niêm yết công khai thủ tục⁹, trình tự giải quyết hồ sơ, các khoản phí, lệ phí, giúp công dân dễ hiểu, dễ thực hiện, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, giảm sự chờ đợi, đi lại của tổ chức và công dân khi đến giao dịch. Đồng thời, cán bộ, công chức được bố trí tại bộ phận này đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực, trình độ, ý thức và thái độ phục vụ nhân dân. Tổng số hồ sơ tiếp nhận tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” thị xã, là 8.572 hồ sơ, số hồ sơ đã giải quyết là 7.829 hồ sơ (trong đó: trả đúng hạn: 7.529 hồ sơ, trả quá hạn: 300 hồ sơ) số hồ sơ đang giải quyết là 743 hồ sơ (trong đó: chưa đến hạn: 743 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ), số hồ sơ không thụ lý là 158 hồ sơ.

XIII. Công tác quốc phòng, an ninh và đảm bảo ổn định chính trị xã hội

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương có bước phát triển tốt, góp phần ổn định chính trị trên địa bàn, công tác xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường chăm lo, xây dựng vững mạnh.

Chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực lãnh đạo và chỉ huy cơ quan quân sự các cấp thực hiện nghiêm túc; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ và giữ vững tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, nhất là trong dịp Lễ, Tết, các sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước.

⁹ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của toàn thị xã là: 499 TTHC (thị xã: 307 TTHC; xã, phường: 192 TTHC).

Thực hiện tổ chức biên chế, sắp xếp lực lượng Dự bị động viên đạt 99,9% KH; sắp xếp phương tiện kỹ thuật đạt 93%KH; tổ chức tiếp nhận quân nhân xuất ngũ trở về địa phương và đăng ký vào ngạch dự bị là 95 quân nhân. Tổng số dân quân tự vệ trên địa bàn thị xã là 1.252 đồng chí, đạt 1,86% so với dân số;

Triển khai có hiệu quả các chủ trương, giải pháp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra vụ việc phức tạp, đột xuất, bất ngờ; tổ chức phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm, trong đó có tội phạm băng, nhóm; kiềm chế tội phạm hình sự (37 vụ), chủ động đấu tranh với tội phạm ma túy (08 vụ), tệ nạn xã hội (05 vụ), tỷ lệ điều tra khám phá tội phạm đạt khá (81,1%); tích cực triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, trật tự công cộng, tuy nhiên tai nạn giao thông vẫn còn ở mức cao (10 vụ tai nạn, 07 vụ va chạm làm 9 người chết, 13 người bị thương, thiệt hại tài sản khoảng 44,5 triệu đồng); xử lý hành chính 3.103 vụ việc trên các lĩnh vực về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông với 3.180 đối tượng.

Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ AK17 cấp thị xã và 03 xã phường.

IX. Thông tin truyền thông

Hoạt động Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin ổn định, đến hết năm 2017 trên toàn địa bàn thị xã dự kiến có 71.000 thuê bao điện thoại; Điểm truy cập internet công cộng là 34 điểm; Tỷ lệ máy tính/100 dân đạt 31,46 máy tính...

Đài Truyền thanh - Truyền hình thực hiện tốt việc tiếp âm, tiếp sóng Đài THVN, TNVN và Đài PT-TH tỉnh. Tuyên truyền các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn; phục vụ cho nhân dân những thông tin về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn; thực hiện 202 chương trình phát thanh và truyền hình, truyền thanh FM 2.347 giờ, truyền hình 14.095 giờ.

B. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017

I. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Trong năm 2017, Ủy ban nhân dân thị xã đã tập trung chỉ đạo, triển khai các giải pháp thực hiện nhiệm vụ đề ra nên đạt được một số kết quả khả quan như:

- Kinh tế phát triển toàn diện

+ Công tác quy hoạch được quan tâm thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung làm nền tảng cho việc đầu tư phát triển kinh tế xã hội đảm bảo hài hòa gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.

+ Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tổng giá trị sản xuất (tính theo SS2010) trong năm đạt 5.558,76 tỷ đồng, đạt 110,69% KH và tăng 13,14% so với năm 2016; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng Công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản. Giá trị sản xuất của các ngành đều tăng hơn so với cùng kỳ năm 2016; năng suất, sản lượng các loại cây trồng đạt so với kế hoạch đề ra và cao hơn so với cùng kỳ năm 2016, không để xảy ra sâu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; sản lượng của các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều tăng so với kế hoạch và cùng kỳ năm 2016.

+ Công tác thu ngân sách được lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm nên tỷ lệ thu ngân sách nhà nước ước đạt 109,41% dự toán, tăng 1,87% so với năm 2016.

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 1.206 tỷ đồng, đạt 107,20%KH và tăng 14,86% so với năm 2016; hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư, cơ sở hạ tầng được đầu tư theo hướng mở rộng và đồng bộ.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả khả quan: Công tác tuyên truyền vận động và chỉ đạo thực hiện được các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện, ý thức trách nhiệm của người dân ngày càng nâng cao, huy động được tổng hợp các nguồn lực để thực hiện chương trình. Dự kiến đến cuối năm 2017, có thêm 02 xã trên địa bàn đạt 19 tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí Quốc gia (xã Thành An và xã Xuân An), nâng tổng số xã đạt tiêu chí nông thôn mới lên 3/5 xã.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

+ Công tác bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện được chú trọng. Tổng số trường học trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia là 18/33 trường (tính cả 02 trường THPT), đạt tỷ lệ 54,54%¹⁰.

+ Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh, chất lượng khám và chữa bệnh được thực hiện tốt hơn.

+ Các vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết; các chế độ chính sách, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Tổ chức chu đáo, an toàn, tiết kiệm các hoạt động đón Tết Nguyên đán và kỷ niệm các ngày Lễ lớn của đất nước và địa phương tạo không khí phấn khởi cho nhân dân.

+ Chất lượng lao động tăng lên đáng kể: Số lượng lao động tăng hơn so với năm 2016 là 2.394 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo được tăng lên.

+ Hoạt động văn hóa thể thao phong phú, đa dạng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và phục vụ đời sống nhân dân.

+ Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; thực hiện giao quân đạt 100% kế hoạch đề ra. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương có bước phát triển tốt, góp phần ổn định chính trị trên địa bàn. Tình hình An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thị xã, các hội, đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch.

2. Tồn tại, hạn chế:

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế cần khắc phục:

- Sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn vì bà con nông dân có xu hướng sản xuất nông nghiệp theo phong trào, chưa có sự liên kết nâng cao giá trị sản phẩm, cùng với việc ảnh hưởng tiêu cực của thời tiết khí hậu, tình hình biến động các sản phẩm nông nghiệp, giá vật tư nông nghiệp luôn biến động tăng, một số mặt hàng phân bón,

¹⁰ Số trường đạt chuẩn các cấp: Mẫu giáo :6; tiểu học: 7; trung học cơ sở: 3; trung học phổ thông 2

thuốc bảo vệ thực vật kém chất lượng vẫn lưu thông trên thị trường... làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và thu nhập của nhân dân, đặc biệt trong năm giá thịt heo giảm mạnh tác động lớn đến chăn nuôi trên địa bàn; việc duy trì và mở rộng cánh đồng lớn gấp khó khăn do chưa đảm bảo lợi ích của các bên, nông dân chưa nhiệt tình thực hiện; hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ của kinh tế tập thể, kinh tế nhân chia hiệu quả, còn nhỏ lẻ, mang tính chất gia đình, chưa có sức cạnh tranh trên thị trường; chưa xây dựng được sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Công tác triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã còn chậm, chưa quyết liệt, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Tiến độ thi công, giải ngân các công trình xây dựng cơ bản thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn chậm so với dự kiến.

- Nguồn vốn vay phục vụ giải quyết việc làm còn nhiều hạn chế; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa hiệu quả (Số đối tượng lao động nông thôn học nghề và sau khi học nghề được vay vốn giải quyết việc làm còn rất ít nên việc phát huy hiệu quả học nghề chưa cao); công tác xóa đói giảm nghèo chưa bền vững, trong quá trình thực hiện như giảm nghèo chưa đồng đều; tỷ lệ hộ nghèo ở một số địa phương còn cao nhất là tại các xã có đồng bào dân tộc¹¹.

- Việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai tại một số xã, phường chưa được tốt; công tác giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai còn nhiều bất cập¹².

- Thu ngân sách tương đối cao tuy nhiên, việc nuôi dưỡng nguồn thu còn gặp nhiều khó khăn, chưa khai thác hết nguồn thu, chưa tích cực trong việc xử lý nợ đọng.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Việc phát huy nội lực còn có những hạn chế nhất định nên sức cạnh tranh của nền kinh tế không cao. Vấn đề biến đổi khí hậu, thời tiết thất thường; ảnh hưởng của lạm phát, đặc biệt giá cả của một số mặt hàng thiết yếu tăng cao không có lợi cho đầu tư phát triển sản xuất, đã tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ của Nghị quyết giao đầu năm chưa cụ thể, còn lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện; chưa chủ động trong việc quảng bá, xúc tiến kêu gọi đầu tư, khả năng kêu gọi, thu hút nguồn lực bên ngoài vào đầu tư tại địa phương còn hạn chế.

Chưa có sự đánh giá cụ thể về nội lực của từng ngành, lĩnh vực, địa bàn để xác định nhiệm vụ trọng tâm cần phải tổ chức thực hiện; sự quan tâm, hỗ trợ chưa đúng mức đối với các thành phần kinh tế khác trên địa bàn để phát huy tiềm năng sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế.

¹¹ Phường Ngô Mây: 58 hộ chiếm 4,74%; xã Tú An 110 hộ chiếm 8,72%; xã Song An 52 hộ chiếm 4,35%.

¹² Theo Kết luận thanh tra số 01/KL-UBND ngày 17/2/2017, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thành An, phường Tây Sơn, phường Ngô Mây tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với những thiếu sót trong quá trình quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn; Số đơn tiếp nhận trong kỳ: 79 đơn (khiếu nại: 02; kiến nghị, phản ánh: 58; tranh chấp: 19) trong đó có nội dung đơn về tranh chấp đất đai; kiến nghị việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã An Khê không giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình...

Một số cơ quan, đơn vị chưa chấp hành tốt quy chế làm việc, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu chủ động trong công tác tham mưu, điều hành xử lý nhiệm vụ nên giải quyết công việc còn chậm.

II. Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2017 đã được Hội đồng nhân dân thị xã giao

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2017 | | Đạt, không đạt so với Nghị quyết |
|----|---|---------|----------------------------|----------------------------|----------------------------------|
| | | | Kế hoạch | Ước thực hiện | |
| 1 | Tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) | Tỷ đồng | 7.612,674 | 8.297,32 | Đạt |
| 2 | Cơ cấu kinh tế | % | | | |
| - | Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản | % | 8,290 | 11,376 | Không đạt |
| - | Ngành công nghiệp - Xây dựng | % | 60,389 | 56,986 | Không đạt |
| - | Ngành dịch vụ | % | 31,320 | 31,638 | Không đạt |
| 3 | Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) | Tỷ đồng | 5.021,8 | 5.558,76 | Đạt |
| 4. | Diện tích gieo trồng | Ha | 9.515 | 9.968 | Đạt |
| 5 | Tổng thu ngân sách thị xã | Tỷ đồng | 80,75 | 88,35 | Đạt |
| 6 | Tổng chi ngân sách thị xã | Tỷ đồng | 267,38 | 287,65 | Đạt |
| 7 | Dân số trung bình | Người | 68.703 | 68.714 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,01 | 1,01 | Đạt |
| 9 | Tuyến quân | | Đạt chỉ tiêu cấp trên giao | Đạt chỉ tiêu cấp trên giao | Đạt |
| 10 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | 3,44 | 2,98 | Đạt |

Phần II

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018

A. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2018

Năm 2018 là năm giữa nhiệm kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Năm 2018, nền kinh tế thị xã sẽ gặp nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức:

- Thuận lợi: Thị xã An Khê là đô thị trẻ, có tiềm năng phát triển, giữ vai trò là vùng kinh tế động lực phía Đông của tỉnh Gia Lai, nằm ở vị trí nối liền các tỉnh duyên hải Miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên nên thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp chế biến, thương mại – dịch vụ và du lịch, đặc biệt nhận được nhiều sự quan tâm hỗ trợ của tỉnh và các ngành về đầu tư xây dựng và phát triển du lịch; Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định.

- Khó khăn:

+ Diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới và khu vực; sự phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro của kinh tế thế giới chính là những thách thức đối với nền kinh tế nước ta nói chung và thị xã An Khê nói riêng.

+ Việc phát huy những tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh, bền vững sẽ còn gặp nhiều khó khăn; an ninh xã hội vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây bất ổn; công tác bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân tiếp tục là những yêu cầu cấp bách đặt ra trong thời gian tới.

+ Nguồn vốn đầu tư xây dựng chủ yếu do ngân sách cấp trên hỗ trợ nên việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đô thị để đạt được các tiêu chí về đô thị loại III và trở thành vùng kinh tế động lực phía Đông của tỉnh không đạt theo kế hoạch đề ra.

B. Mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

I. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; tập trung chỉnh trang đô thị, xây dựng nông thôn mới và giải quyết các vấn đề bức xúc đặt ra như: ô nhiễm môi trường, thiếu nước sạch đặc biệt vào mùa khô, chú trọng nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân gắn với việc thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát huy sức mạnh đoàn kết và tạo sự đồng thuận trong xã hội; tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trong mối quan hệ, phối hợp đồng bộ và tôn trọng vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phân đàu xây dựng thị xã An Khê thật sự là vùng kinh tế động lực phía Đông của tỉnh Gia Lai.

II. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2018

1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010): 12,58%.

Trong đó:

+ Ngành nông, lâm, thủy sản: Tăng 4,9% so với năm 2017.

+ Ngành công nghiệp - Xây dựng: Tăng 6,47% so với năm 2017.

+ Ngành dịch vụ: Tăng 24,5% so với năm 2017.

- Cơ cấu kinh tế (tính theo giá hiện hành).

+ Ngành nông, lâm, thủy sản: 10,490%

+ Ngành công nghiệp - Xây dựng: 56,500%

+ Ngành dịch vụ: 33,010%

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng thêm trong năm): 02 xã

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 84 tỷ đồng, giảm 4,92% so với ước thực hiện năm 2017.

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 286,434 tỷ đồng, giảm 6,74% so với ước thực hiện năm 2017.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn: 1.387 tỷ đồng.

2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số: 1,01%; Trong đó: Tốc độ tăng dân số tự nhiên: 0,98%.

- Số lao động được tạo việc làm mới: 1.100 lao động.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020): 2,60%

- Mức giảm tỷ lệ nghèo: 0,38%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 29,8%

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo: 90%

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 65,7% (Dự kiến trong năm 2018, thị xã có 35 trường¹³, trong đó 23/35 trường đạt chuẩn quốc gia).

- Số giường bệnh/vạn dân: 21,61 giường (150 giường, không tính giường trạm y tế xã)

- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ: 45,45% (5 trạm y tế xã, phường có bác sĩ làm việc)

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế: 100%

- Số bác sĩ/vạn dân: 5,76 bác sĩ (40 bác sĩ)

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 72%

3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ che phủ của rừng: 21,16%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 0

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 98%

- Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch: 100% (dân cư của các phường đều được cung cấp nước máy).

III. Dự kiến một số cân đối lớn

1. Lao động việc làm

- Dự kiến lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên: 42.138 lao động.

- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm: 1.100 lao động

- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động: 29,8%.

2. Cân đối thu, chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 84 tỷ đồng

- Tổng chi ngân sách địa phương: 286,434 tỷ đồng

3. Cân đối vốn đầu tư phát triển

- Dự kiến khả năng huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2018 : 1.387 tỷ đồng

¹³ THPT - 04 trường; THCS - 08 trường; TH -12 trường; MG - 11 trường

4. Cân đối về lương thực

- Tổng diện tích gieo trồng năm 2018: 9.316 ha.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 8.543,44 tấn.

IV. Nhiệm vụ định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

1. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế

1.1. Tăng trưởng giá trị sản xuất

- Tốc độ tăng trưởng đạt 12,58% so với năm 2017
- Tổng giá trị sản xuất năm 2018:
 - + Tính theo giá hiện hành đạt 9.263,39 tỷ đồng.
 - + Tính theo giá so sánh 2010 đạt 6.258,02 tỷ đồng;

1.2. Nông nghiệp

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa có hàm lượng giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu của địa phương gắn với đầu tư thâm canh tăng năng suất; Triển khai xây dựng vùng chuyên canh rau theo hướng sản xuất rau an toàn tiêu chuẩn VietGap, nhân rộng mô hình này trên địa bàn thị xã; kích thích phát huy phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nhóm sở thích, dần hình thành các tổ hợp tác và tiến đến hình thành các hợp tác xã; phối hợp với Nhà máy đường An Khê triển khai thực hiện cánh đồng lớn đối với cây mía, thực hiện liên kết chuỗi giá trị.

Làm tốt công tác định hướng và dự báo thị trường để nâng cao năng suất, thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác; thực hiện phân cấp, phân định rõ trách nhiệm của từng cấp, ngành trong việc quản lý, sử dụng duy tu sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn để phát huy năng lực tưới nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; xây dựng kế hoạch cụ thể để sử dụng nguồn nước của hồ thủy điện An Khê - Ka Nak phục vụ cho nhu cầu phát triển nông nghiệp trên địa bàn đặc biệt là các xã, phường lân cận trong khu vực.

1.3. Công nghiệp - xây dựng

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung thị xã để triển khai các quy hoạch đô thị và quy hoạch phân khu chức năng để làm tiền đề cho việc đầu tư xây và quản lý phát triển xây dựng đô thị theo tiêu chí đô thị loại III.

Tuyên truyền phổ biến giới thiệu tiềm năng thế mạnh của địa phương và các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài của trung ương, địa phương để mở rộng đối tượng được tiếp cận thông tin tạo thuận lợi trong công tác mời gọi, xúc tiến đầu tư.

Phát huy hiệu quả của công tác khuyến công, hỗ trợ đắc lực cho các cơ sở sản xuất tiêu thủ công nghiệp được tiếp cận các công nghệ mới để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

Kiến nghị với Trung ương, tỉnh ưu tiên bố trí vốn để sớm thực hiện hoàn thành hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông như đường tránh phía bắc qua thị xã, sửa chữa

nâng cấp trực đường và các cầu trên Quốc lộ 19, hạ tầng cụm công nghiệp và hạ tầng phát triển đô thị, bên cạnh đó tính toán cân đối nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực khác để đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở trong khả năng của địa phương, không trông chờ ý lại vào nguồn ngân sách cấp trên.

1.4. Thương mại - dịch vụ

Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức quản lý, hoạt động của các chợ hiện có, trên địa bàn theo hướng xã hội hóa để khai thác có hiệu quả các công trình đã đầu tư.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phát triển các thành phần kinh tế địa phương và các doanh nghiệp bên ngoài thị xã đến sản xuất kinh doanh trên địa bàn; hỗ trợ phát triển và xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Đề xuất với Sở Giao thông vận tải chấn chỉnh hoạt động của Bến xe khách và các Hợp tác xã vận tải để hoạt động dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa đi vào nề nếp, ngày càng ổn định và phát triển gắn với đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

Triển khai có hiệu quả kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn thị xã: Phối hợp với các Sở ngành hoàn thiện hồ sơ đề nghị Trung ương công nhận di tích cấp quốc gia và di tích cấp quốc gia đặc biệt đối với Khu di tích Tây Sơn thượng đạo và Khu di tích khảo cổ tại Gò Đá phường An Bình và Rộc Tưng xã Xuân An để sớm có kế hoạch đầu tư phục vụ du lịch; tiếp tục phối hợp với các huyện phía đông đề nghị UBND tỉnh thành lập đơn vị quản lý Khu di tích Tây Sơn thượng đạo và ưu tiên các nguồn lực đầu tư nâng cao giá trị khu di tích, đồng thời phối hợp với huyện Tây Sơn (Bình Định) có kế hoạch cụ thể giới thiệu đến du khách kết nối hai điểm di tích Tây Sơn thượng đạo và Tây Sơn hạ đạo.

1.5. Phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tập thể

Thực hiện xây dựng những chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể cho các thành phần kinh tế trên địa bàn để mở rộng quy mô sản xuất; nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng tiếp cận thị trường, vốn vay, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất và phương thức quản lý...

Kiểm tra, rà soát những văn bản pháp luật còn bất cập, gây phiền hà cho các thành phần kinh tế để đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi; thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, tăng cường cải thiện môi trường kinh doanh, tạo ra một môi trường kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp hoạt động ngày càng hiệu quả.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh liên kết với nhau, tạo nên chuỗi sản phẩm khép kín, có giá trị cao; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thương trường.

Tăng cường gấp gáp, đổi thoại doanh nghiệp, doanh nhân, hộ kinh doanh, hợp tác xã để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc mà doanh nghiệp đang gặp phải trong đầu tư, sản xuất kinh doanh.

2. Ôn định kinh tế

2.1. Giá cả, chỉ số giá tiêu dùng

Tăng cường công tác quản lý thị trường giá cả, trong đó kiểm soát chặt chẽ giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng, thao túng thị trường, tăng giá bất hợp lý.

2.2. Thu chi ngân sách nhà nước

Tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung cho đầu tư phát triển; thực hiện tốt các quy định về quản lý, điều hành ngân sách; kết hợp chặt chẽ việc thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng với chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các lĩnh vực; tập trung mọi nguồn thu vào ngân sách đúng theo quy định; dự toán chi phải đảm bảo đúng quy định, sát với thực tế, hạn chế phát sinh ngoài dự toán; huy động mọi nguồn thu vào ngân sách, hoạt động tài chính - ngân sách lành mạnh, công khai minh bạch, nuôi dưỡng và khai thác tốt các nguồn thu; tích cực xử lý thu hồi nợ đọng.

Tăng cường công tác quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo có hiệu quả, tiết kiệm, ưu tiên bố trí ngân sách cho đầu tư phát triển và đảm bảo an sinh xã hội, đảm bảo nhu cầu chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, sự nghiệp văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Huy động tốt nguồn vốn nhàn rỗi để cân đối vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo.

3. Giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ

Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đồng thời tăng cường kỷ cương nền nếp, kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện tiêu cực chạy theo thành tích, dạy thêm, học thêm không đúng quy định; đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, huy động mọi nguồn lực xã hội để đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục và xây dựng xã hội học tập; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất hướng đồng bộ, hiện đại theo tiêu chí trường chuẩn quốc gia.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ mới vào sản xuất và đời sống; ưu tiên đầu tư khoa học - công nghệ mới vào các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, xử lý môi trường và bảo quản sau thu hoạch; xã hội hóa lĩnh vực khoa học - công nghệ, áp dụng rộng rãi các thành tựu công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao hiệu quả và tăng sức cạnh tranh. Dành tỷ lệ ngân sách đầu tư thỏa đáng cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống.

4. Bảo đảm an sinh xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, giúp đỡ các làng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng phát triển bền vững; Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, người có thu nhập thấp để khuyến khích, động viên, giúp người lao động ổn định cuộc sống và yên tâm sản xuất.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trưởng Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Đông Gia Lai xây dựng hình thức đào tạo, chương trình đào tạo nghề cho phù hợp với xu thế của thị trường lao động hiện nay; ứng dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật tiên tiến, phát triển nhiều loại hình dạy nghề và tổ chức liên kết nhằm giải quyết việc làm cho học viên sau khi học nghề.

Phối hợp với Sở Y tế và Bệnh viện Đa khoa Khu vực An Khê tăng cường đầu tư cơ sở vật chất nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

5. Phát triển văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - thông tin, truyền thanh - truyền hình gắn với việc tuyên truyền, phổ biến kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân.

Tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở theo hướng thiết thực, hiện đại; phát triển mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, đa dạng hóa hoạt động văn hóa, nghệ thuật, chú trọng giáo dục truyền thống gắn với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

Tiếp tục thực hiện xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, động viên các nguồn lực để đầu tư phát triển các loại hình thể dục thể thao, đáp ứng nhu cầu phát triển ở địa phương.

Chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động truyền thanh – truyền hình, đảm bảo cho người dân thường xuyên tiếp cận với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

6. Tài nguyên môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Tăng cường tuyên truyền giáo dục trong nhân dân để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường, sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, không khí; khuyến khích việc ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ trong khai thác, sản xuất và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu tác hại tiêu cực đến môi trường.

Tích cực phối hợp các sở ngành để xuất với UBND Tỉnh và lựa chọn doanh nghiệp quản lý vận hành khai thác có hiệu quả nhà máy xử lý rác thải, mở rộng địa bàn thu gom xử lý rác thải trong sinh hoạt và trong sản xuất; có các giải pháp cẩn cơ về duy trì nguồn nước trên sông Ba, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình trạng ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy, để cải thiện môi trường sống, phát triển bền vững. Di dời, chuyển đổi các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong các khu dân cư gây ô nhiễm môi trường vào cụm công nghiệp thị xã.

Đề xuất với Trung ương và tỉnh sớm triển khai thực hiện dự án xây dựng các đập dâng trên sông Ba để duy trì nguồn nước mặt, tạo dòng chảy góp phần chống ô nhiễm đồng thời vận động nhân dân trồng cây xanh tạo ra môi trường xanh, đẹp, và nguồn không khí trong lành.

7. Cải cách hành chính

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác cải cách hành chính: công khai minh bạch về các thông tin cải cách hành chính, thường xuyên rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực, nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa"; cải cách công tác tổ chức bộ máy hành chính cả về biên chế, chất lượng nhân lực, hiệu quả hoạt động; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa công sở, áp dụng quản lý chất lượng ISO trong hoạt động hành chính nhà nước, khai thác có hiệu quả hệ thống máy móc thiết bị đã được đầu tư mua sắm để phục vụ cho công tác cải cách thủ tục hành chính.

8. Quốc phòng, an ninh

Triển khai nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự địa phương gắn với nền quốc phòng toàn dân, xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh về quốc phòng - an ninh, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; gắn quy hoạch quốc phòng với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tích cực

tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân về xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, ngừa phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tập trung công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn trong các dịp lễ, các sự kiện chính trị quan trọng; Thực hiện quyết liệt các giải pháp kiềm chế, đẩy lùi tai nạn giao thông; tăng cường phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017 và kế hoạch năm 2018, Ủy ban nhân dân thị xã kính trình Hội đồng nhân dân thị xã An Khê khóa XII - kỳ họp thứ Năm xem xét./.

Nơi nhận:

- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- UBMTTQVN và các đoàn thể;
- Các ban HĐND thị xã;
- Các Đại biểu HĐND thị xã;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã;
- UBND các xã, phường;
- VP HĐND & UBND;
- Lưu: VT, TCKH.



Nguyễn Hùng Vỹ



(Kèm theo Báo cáo số

Biểu số 1
CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

(Kèm theo Báo cáo số A93 /BC-UBND ngày 06 /10 /2017 của UBND thị xã An Khê)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện 2016 | Năm 2017 | | | Kế hoạch 2018 | Kế hoạch 2018 so với ước thực hiện 2017 (%) |
|-----------|--|-------------|-------------------|----------|----------------------|--|------------------|--|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện cả năm | Ước thực hiện 2017 so với thực hiện 2016 (%) | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/4 | 8 | 9=8/6 |
| I | Chỉ tiêu kinh tế | | | | | | | |
| 1 | Tổng giá trị sản xuất | | | | | | | |
| * | Theo giá so sánh năm 2010 | Tỷ đồng | 4.912,96 | 5.021,80 | 5.558,76 | 113,14 | 6.258,02 | 112,58 |
| - | Nông, lâm, thủy sản | Tỷ đồng | 611,15 | 381,88 | 617,32 | 101,01 | 647,57 | 104,90 |
| - | Công nghiệp, xây dựng | Tỷ đồng | 2.732,66 | 2.933,39 | 3.004,12 | 109,93 | 3.198,49 | 106,47 |
| - | Thương mại - Dịch vụ | Tỷ đồng | 1.569,15 | 1.706,53 | 1.937,32 | 123,46 | 2.411,96 | 124,50 |
| * | Theo giá hiện hành | Tỷ đồng | 7.432,63 | 7.612,67 | 8.297,32 | 111,63 | 9.263,39 | 111,64 |
| - | Nông, lâm, thủy sản | Tỷ đồng | 933,18 | 631,10 | 943,90 | 101,15 | 971,35 | 102,91 |
| - | Công nghiệp, xây dựng | Tỷ đồng | 4.365,41 | 4.597,25 | 4.728,35 | 108,31 | 5.233,82 | 110,69 |
| - | Thương mại - Dịch vụ | Tỷ đồng | 2.134,04 | 2.384,32 | 2.625,07 | 123,01 | 3.057,85 | 116,49 |
| * | Cơ cấu GTSX theo giá hiện hành | % | 100,00 | 100,00 | 100,00 | | 100,00 | |
| - | Nông, lâm, thủy sản | % | 12,555 | 8,290 | 11,376 | | 10,490 | |
| - | Công nghiệp, xây dựng | % | 58,733 | 60,389 | 56,986 | | 56,500 | |
| - | Thương mại - Dịch vụ | % | 28,712 | 31,320 | 31,638 | | 33,010 | |
| 2 | Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn | Tỷ đồng | 2.045,68 | 1.977,00 | 2.258,70 | 110,41 | 2.940,91 | 130,20 |
| 3 | Thu Ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 89,565 | 80,750 | 88,351 | 98,64 | 84,000 | 95,08 |
| 4 | Thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố | Tỷ đồng | 293,780 | 269,431 | 289,698 | 98,61 | 286,434 | 98,87 |
| 5 | Chi cân đối ngân sách địa phương | Tỷ đồng | 259,632 | 269,430 | 307,140 | 118,30 | 269,431 | 87,72 |
| | Trong đó: | | | | | | | |
| a) | Chi đầu tư phát triển do huyện, thị xã, thành phố quản lý | Tỷ đồng | 36,969 | 30,140 | 33,140 | 89,64 | 30,072 | 90,74 |
| b) | Chi thường xuyên | Tỷ đồng | 213,398 | 232,271 | 270,132 | 126,59 | 256,362 | 94,90 |
| 6 | Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (gồm vốn đầu tư NSNN, vốn nhân dân, vốn tín dụng...) | Tỷ đồng | 1.050,0 | 1.125,0 | 1.206,0 | 114,9 | 1.387,0 | 115,01 |
| II | Chỉ tiêu xã hội - môi trường | | | | | | | |
| 1 | Dân số trung bình | Nghìn người | 68.019 | 68.703 | 68.714 | 101,02 | 70.077 | 101,98 |
| | Tốc độ tăng dân số tự nhiên | % | 1,15 | 1,01 | 1,01 | | 1,02 | |
| | - Mức giảm tỷ lệ sinh | % | 0,045 | 0,06 | 0,06 | | 0,06 | |
| 2 | Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm | Người | 1.957 | 2.100 | 1.828 | 93,41 | 2.200 | 120,35 |

| TT | Nội dung | ĐVT | Thực hiện năm 2016 | Năm 2017 | | Kế hoạch năm 2018 | So sánh % | | |
|---|---|--------------------|--------------------|----------|---------------|-------------------|------------------|------------------|--------------------|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện | | UTH năm 2017/ TH | UTH năm 2017/ KH | 2018/ UTH năm 2017 |
| | Thuốc lá : -Diện tích | Ha | 15,00 | 16,00 | 13,00 | 16,00 | 86,67 | 81,25 | 123,08 |
| | -Sản lượng | Tấn | 15,00 | 19,20 | 15,60 | 29,60 | 104,00 | 81,25 | 189,74 |
| II Chăn nuôi | | | | | | | | | |
| 1 | Giá trị sản xuất : | | | | | | | | |
| | -Giá so sánh 2010 | Tỷ đồng | 163,90 | 54,91 | 137,04 | 163,04 | 83,61 | 249,55 | 118,97 |
| | -Giá hiện hành | Tỷ đồng | 247,96 | 90,61 | 227,10 | 254,53 | 91,59 | 250,64 | 112,07 |
| 2 | Dàn trâu | Con | 485 | 500 | 450 | 480 | 92,78 | 90,00 | 106,67 |
| 3 | Dàn bò | Con | 13.754 | 13.800 | 15.200 | 15.500 | 110,51 | 110,14 | 101,97 |
| | Trong đó : -Bò lai | Con | 10.310 | 10.700 | 11.699 | 11.935 | 113,48 | 109,34 | 102,01 |
| | -Tỷ lệ bò lai | % | 74,96 | 77,54 | 76,97 | 77,00 | | | |
| 4 | Dàn heo | Con | 20.003 | 21.400 | 15.975 | 16.000 | 79,86 | 74,65 | 100,16 |
| B.1.2 Lâm nghiệp | | | | | | | | | |
| 1 | Giá trị sản xuất : | | | | | | | | |
| | -Giá so sánh 2010 | Tỷ đồng | 5,82 | 7,36 | 7,48 | 16,80 | 128,47 | 101,59 | 224,69 |
| | -Giá hiện hành | Tỷ đồng | 8,80 | 12,14 | 11,07 | 24,87 | 125,68 | 91,15 | 224,73 |
| 2 | Khối lượng gỗ khai thác (rừng trồng) | M ³ | 4.670,00 | 6.755,00 | 6.000,00 | 13.500,0 | 128,48 | 88,82 | 225,00 |
| 3 | Diện tích giao khoán QLBVR | Ha | 3.045,00 | 3.958,00 | 1.190,00 | 1.260,00 | 39,08 | 30,07 | 105,88 |
| 4 | Quản lý bảo vệ rừng | Ha | 3.804,00 | 3.045,00 | 3.045,00 | 3.045,00 | 80,05 | 100,00 | 100,00 |
| B.1.3 Thủy sản | | | | | | | | | |
| 1 | Giá trị sản lượng : | | | | | | | | |
| | -Giá so sánh 2010 | Tỷ đồng | 4,20 | 1,64 | 3,89 | 4,45 | 92,62 | 237,20 | 114,40 |
| | -Giá hiện hành | Tỷ đồng | 6,35 | 2,70 | 5,81 | 6,59 | 91,38 | 215,05 | 113,44 |
| 2 | Diện tích: | Ha | 529,00 | 540,00 | 540,00 | 580,00 | 102,08 | 100,00 | 107,41 |
| | - Diện tích nuôi trồng | Ha | 68,00 | 70,00 | 70,00 | 100,00 | 102,94 | 100,00 | 142,86 |
| | - Diện tích khai thác | Ha | 461,00 | 470,00 | 470,00 | 480,00 | 101,95 | 100,00 | 102,13 |
| 3 | Sản lượng: | Tấn | 164,00 | 87,00 | 140,32 | 166,00 | 85,56 | 161,29 | 118,30 |
| | - Sản lượng khai thác | Tấn | 155,70 | 80,00 | 132,20 | 156,00 | 84,91 | 165,25 | 118,00 |
| | - Sản lượng nuôi trồng | Tấn | 8,30 | 7,00 | 8,12 | 10,00 | 97,83 | 116,00 | 123,15 |
| B.2 Công nghiệp -TTCN | | | | | | | | | |
| 1 | Giá trị sản xuất : | | | | | | | | |
| | -Giá so sánh 2010 | | 2.203,80 | 2.365,39 | 2.484,12 | 2.641,05 | 112,72 | 105,02 | 106,32 |
| | -Giá hiện hành | Tỷ đồng | 3.334,04 | 3.736,84 | 3.707,94 | 3.909,40 | 111,21 | 99,23 | 105,43 |
| 2 | Một số sản phẩm chủ yếu | | | | | | | | |
| | - Gỗ ván MDF | M ³ | 36.136 | 46.500 | 43.790 | 46.000 | 121,18 | 94,17 | 105,05 |
| | - Đường kính | Tấn | 104.453 | 190.000 | 151.000 | 210.000 | 144,56 | 79,47 | 139,07 |
| | - Đá xây dựng | Tấn | | 27.000 | 28.600 | 70.000 | | 105,93 | 244,76 |
| | - Gạch các loại | Tr.viên | | 11 | 8 | 24 | | 72,73 | 300,00 |
| | - Tinh bột sắn | Tấn | 33.031 | 23.320 | 29.150 | 30.000 | 88,25 | 125,00 | 102,92 |
| | - Nước sinh hoạt | 1000m ³ | 1.080 | 2.745 | 605 | 2.745 | 56,02 | 22,04 | 453,72 |
| | - Điện thương phẩm | Tr.kwh | 63 | 67 | 69 | 75 | 109,52 | 102,99 | 107,97 |
| | - Điện sản xuất | Tr.kwh | | 822,46 | | 302,00 | | | |
| B.3 Thương mại - dịch vụ | | | | | | | | | |
| 1 | Tổng mức bán lẻ hàng hoá, và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn (GHH) | Tỷ đồng | 2.045,68 | 2.281,58 | 2.541,32 | 2.940,91 | 124,23 | 111,38 | 115,72 |
| 2 | Giao thông vận tải | | | | | | | | |
| | - Hàng hóa : -Vận chuyển | 1.000 tấn | 875 | 878 | 995 | 1.110 | 113,71 | 113,33 | 111,56 |
| | -Luân chuyển | 1.000 T/km | 120.000 | 121.880 | 136.315 | 153.000 | 113,60 | 111,84 | 112,24 |
| | - Hành khách -Vận chuyển | 1.000HK | 580 | 535 | 667 | 753 | 115,00 | 124,67 | 112,89 |
| | -Luân chuyển | 1.000hk/km | 95.152,0 | 90.180,0 | 109.388,0 | 123.500,0 | 114,96 | 121,30 | 112,90 |
| 3 | Bưu chính viễn thông | Tỷ đồng | 70.74 | 80,94 | 86,94 | 92,94 | 122,90 | 107,41 | 106,90 |
| B.4 Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể | | | | | | | | | |
| B.4.1 Phát triển doanh nghiệp | | | | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (DNNN) | | | | | | | | |
| 1 | Số lượng doanh nghiệp | Doanh nghiệp | 1 | 1 | 1 | 1 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| II Doanh nghiệp ngoài nhà nước | | | | | | | | | |
| 1 | Số doanh nghiệp đang hoạt động | Doanh nghiệp | 165 | 195 | 200 | 260 | 121,21 | 102,56 | 130,00 |
| 2 | Số doanh nghiệp tu nhân trong nước đăng ký | Doanh nghiệp | 25 | 30 | 40 | 60 | 160,00 | 133,33 | 150,00 |
| 3 | Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động | Doanh nghiệp | | 0 | 0 | 0 | | | |
| B.4.2 Phát triển kinh tế tập thể | | | | | | | | | |
| I | Hợp tác xã | | | | | | | | |
| 1 | Tổng số hợp tác xã | Hợp tác xã | 6 | 8 | 11 | 13 | 183,33 | 137,50 | 118,18 |

| TT | Nội dung | ĐVT | Thực hiện năm 2016 | Năm 2017 | | Kế hoạch năm 2018 | So sánh % | | |
|------------|--|---------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện | | UTH năm 2017/ TH 2017 | UTH năm 2017/ KH 2017 | KH 2018/ UTH năm 2017 |
| | Trong đó: | | | | | | | | |
| | -Số hợp tác xã thành lập mới | Hợp tác xã | | 2 | 5 | 2 | | 250,00 | 40,00 |
| | -Số hợp tác xã giải thể | Hợp tác xã | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 2 | Tổng số thành viên hợp tác xã | Người | 2.399 | 2.411 | 2.540 | 2.516 | 105,88 | 105,35 | 99,06 |
| 3 | Tổng số lao động trong hợp tác xã | Người | 146 | | 226 | 186 | 154,79 | | 82,30 |
| II | Liên hiệp hợp tác xã | | | 0 | 0 | 0 | | | |
| 1 | Tổng số liên hiệp hợp tác xã | Liên hiệp hợp | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| III | Tổ hợp tác | | | | | | | | |
| 1 | Tổng số tổ hợp tác | Tổ hợp tác | 9 | 11 | 9 | 11 | 100,00 | 81,82 | 122,22 |
| | Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực | Tổ hợp tác | 9 | 11 | 9 | 11 | 100,00 | 81,82 | 122,22 |
| 2 | Tổng số thành viên tổ hợp tác | Thành viên | 316 | 386 | 316 | 386 | 100,00 | 81,87 | 122,15 |
| C | CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI | | | | | | | | |
| I | Dân số | | | | | | | | |
| 1 | Dân số trung bình | Người | 68.019 | 68.703 | 68.714 | 69.423 | 101,02 | 100,02 | 101,03 |
| 2 | Tổng số hộ | Hộ | 16.168 | 16.320 | 16.228 | 16.300 | 100,37 | 99,44 | 100,44 |
| 3 | Tỉ lệ tăng dân số | % | 1,15 | 1,01 | 1,04 | 1,01 | | | |
| | Trong đó: Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,07 | 1,00 | 1,01 | 0,98 | | | |
| II | Lao động việc làm | | | | | | | | |
| 1 | Tổng số lao động đang làm việc | Người | 39.239 | 40.024 | 41.633 | 42.138 | 106,10 | 104,02 | 101,21 |
| 2 | Số LD được giải quyết việc làm mới trong năm | Người | 1.957 | 2.100 | 1.828 | 1.100 | 93,41 | 87,05 | 60,18 |
| 3 | Tỷ lệ LD đã qua đào tạo | % | 29,00 | 30,75 | 29,68 | 29,80 | | | |
| III | Giảm nghèo (theo chuẩn GD 2016-2020) | | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | 3,81 | 3,44 | 2,98 | 2,60 | | | |
| 2 | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo | % | 0,26 | 0,39 | 0,83 | 0,38 | | | |
| IV | Giáo dục | | | | | | | | |
| | Tổng số học sinh các cấp | HS | 17.391 | 18.365 | 18.229 | 18.403 | 104,82 | 99,26 | 100,95 |
| | + Mẫu giáo, mầm non | HS | 2.341 | 2.987 | 3.312 | 3.350 | 141,48 | 110,88 | 101,15 |
| | + Tiểu học | HS | 6.521 | 6.468 | 6.480 | 6.475 | 99,37 | 100,19 | 99,92 |
| | + Trung học cơ sở | HS | 4.849 | 5.221 | 5.053 | 5.157 | 104,21 | 96,78 | 102,06 |
| | + Trung học phổ thông | HS | 3.680 | 3.689 | 3.384 | 3.421 | 91,96 | 91,73 | 101,09 |
| V | Y tế | | | | | | | | |
| 1 | Số giường bệnh/vạn dân (Không tính trạm y tế xã) | Giường | 17,64 | 21,83 | 17,46 | 21,61 | 98,98 | 79,98 | 123,77 |
| 2 | Số bác sĩ/vạn dân | Bác sĩ | 5,29 | 5,53 | 5,82 | 5,76 | 110,02 | 105,24 | 99,00 |
| 3 | Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ | % | 45,45 | 45,45 | 45,45 | 45,45 | | | |
| 4 | Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (theo cân nặng) | % | 10,65 | 10,45 | 10,06 | 10,06 | | | |
| 5 | Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin | % | 98,00 | 98,00 | 98,00 | 98,00 | | | |
| 6 | Tỷ lệ người tham gia BHYT | % | 51,45 | 68,26 | 68,00 | 72,00 | | | |
| VI | Cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu | | | | | | | | |
| 1 | Số hộ sử dụng điện | Hộ | 16.168 | 16.320 | 16.228 | 16.300 | 100,37 | 99,44 | 100,44 |
| 2 | Tỷ lệ hộ sử dụng điện | % | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | | | |
| 3 | Số hộ được sử dụng nước sạch | Hộ | 3.830 | 9.079 | 3.530 | 10.589 | 92,17 | 38,88 | 299,97 |
| VII | Môi trường và phát triển bền vững | | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom | % | 76,0 | 82,0 | 80,0 | 82,0 | | | |
| 2 | Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (*) | % | | | 0,0 | 0,0 | | | |
| 3 | Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động | Khu | 1 | 1 | 1 | 1 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| 4 | Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường | Khu | 0 | 1 | 0 | 1 | | | |
| 5 | Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường | % | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| D | QUỐC PHÒNG AN NINH | | | | | | | | |
| 1 | Tuyên quân | Người | Dạt chi tiêu trên giao | | | |